TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM-ST
Ngày: 20 - 6 - 2023
V/v "Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 5 và 20 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2022/TLST- KDTM ngày 04/10/2022 về việc *"Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST - KDTM ngày 11/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST - KDTM ngày 28/4/2023 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17/2023/QĐST-KDTM ngày 19/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần than M; địa chỉ trụ sở: đường N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vĩnh N - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Mạnh L; chức vụ: Quyền Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính của Công ty Cổ phần than M *(theo giấy ủy quyền số 133/GUQ-TCHC ngày 21 tháng 7 năm 2022).*

- Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn H.**

Địa chỉ trụ sở: đường P, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Thái Thị H - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đoàn Mạnh L có mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty Cổ phần than M do người đại diện theo ủy quyền là ông Đoàn Mạnh L trình bày:* Công ty Cổ phần than M – Xí nghiệp than C (sau đây gọi là Xí nghiệp than C) là đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần than M. Công ty TNHH H và Xí nghiệp than C có quan hệ giao dịch mua bán than từ năm 2019 và đã được thể hiện rõ trong các hợp đồng mua bán than. Trên cơ sở mối quan hệ mua bán với nhau từ trước, Công ty TNHH H đồng ý mua bán than cám 6a Quảng Ninh với Xí nghiệp than C thể hiện chi tiết tại Hợp đồng số 08/2019-HĐKT đã ký kết, theo đó Xí nghiệp than C đã cung cấp đầy đủ số lượng than cho Công ty TNHH H. Theo nội dung tại điều III của Hợp đồng số 08/2019-HĐKT thể hiện *"Căn cứ vào số lượng than nhận thực tế của từng lô hàng, hai bên làm biên bản đối chiếu số lượng và bên A (Xí nghiệp than C) xuất hóa đơn bán hàng cho bên B (Công ty TNHH H). Bên B phải thanh toán cho bên A 50% giá trị lô hàng, số tiền còn lại sẻ thanh toán hết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn bán hàng của bên A cung cấp và thời gian trả nợ của lô hàng đó cũng không quá 15 ngày"*.

Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/01/2021, giữa Xí nghiệp than C và Công ty TNHH H thì Công ty TNHH H còn nợ lại Xí nghiệp than C số tiền là 990.975.640 đồng, sau đó Công ty TNHH H trả được một khoản nợ và tính đến ngày 16/3/2022 Công ty TNHH H còn nợ Xí Nghiệp than C số tiền là 613.871.990 đồng.

Nay, Công ty Cổ phần than M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty THHH H trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần than M tổng số tiền còn nợ là 654.715.418 đồng, trong đó tiền mua than còn thiếu (tiền nợ gốc): 613.871.990 đồng, tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 16/3/2022 đến ngày 13/3/2023 là 40.843.422 đồng theo mức lãi xuất 8%/năm; từ ngày 14/3/2023 cho đến khi bản án xét xử có hiệu lực pháp luật nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

** Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (gọi tắt là Công ty H)* đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty H không chấp hành. Do đó, không có ý kiến của bị đơn trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, tống đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết; Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật, thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy

định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Kinh doanh thương mại theo quy định pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 654.715.418 đồng *(trong đó có tiền lãi chậm trả)* là số tiền phát sinh từ việc mua bán, cung cấp hàng hóa (Than) giữa nguyên đơn với bị đơn theo Hợp đồng mua bán than cám số 08/2019-HĐKT ngày 02/01/2019; nguyên đơn và bị đơn đều có tư cách pháp nhân và đều hoạt động kinh doanh với mục đích lợi nhuận, nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại Điều V của Hợp đồng mua bán than cám số 08/2019-HĐKT ngày 02/01/2019 có nêu *"..Trường hợp hai bên tổ chức nổ lực nhưng không giải quyết được các tranh chấp xảy ra thì sẽ được giải quyết tại Tòa án TP. Quảng Ngãi"*. Tuy nhiên, tại thời điểm giao kết hợp đồng Công ty TNHH H có địa chỉ tại: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, việc thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết tranh chấp là không đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH H và Công văn số 19/CV-ĐKKD ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi về việc cung cấp thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp thì Công ty TNHH H có mã số doanh nghiệp: 4300762503; đăng ký lần đầu ngày 14/8/2015 và đăng ký thay đổi lần 06 ngày 15/12/2022; hiện có địa chỉ tại: đường P, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[**2] Về nội dung:**

[2.1]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần than M đối với số tiền nợ gốc (tiền mua bán than) 613.871.990 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 135/TB-TA ngày 14-3-2023 *(trong thông báo có thể hiện rõ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án)* và giấy triệu tập để người đại diện theo pháp luật của Công ty H đến Tòa làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty H đều vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do đó, bị đơn Công ty H phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được (do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập) để giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là bản sao có công chứng, chứng thực gồm: Hợp đồng mua bán than cám số 08/2019-HĐKT ngày 02/01/2019*(BL: 57-59);* các Biên bản đối chiếu công nợ vào các ngày 02/01/2020, 01/4/2020, 30/6/2020, 05/10/2020, 02/01/2021 giữa Công ty Cổ phần than M – Xí nghiệp than C với Công ty TNHH H (BL 52-56); các Hóa đơn giá trị gia tăng (BL: 07- 43) thể hiện Công ty H còn nợ tiền mua than của Công ty Công than M số tiền 613.871.990 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần than M đối với số tiền nợ 613.871.990 đồng và xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Công ty H là từ ngày 16-3-2022.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 16/3/2022 đến ngày 13/3/2023 là 40.843.422 đồng theo mức lãi xuất 8%/năm, từ ngày 14/3/2023 cho đến khi bản án xét xử có hiệu lực pháp luật nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*

Theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán của 03 Ngân hàng tại địa phương gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (9%/năm), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (9%/năm), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (9%/ năm); lãi suất quá hạn của 03 Ngân hàng đều bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, xác định mức lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng là 13,5%/ năm, tương đương với 1,12%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng Thương mại đều cao hơn mức lãi suất 8% mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu

cầu của nguyên đơn về số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 16/3/2022 đến ngày 13/3/2023 là 40.843.422 đồng theo mức lãi xuất 8%/năm.

Đối với số tiền lãi từ ngày 14/3/2023 cho đến khi bản án xét xử có hiệu lực pháp luật nguyên đơn không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu 30.188.616 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 23.382.281 đồng cho nguyên đơn.

[2.4]. Nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với phân tích, đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 24, khoản 1 Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần than M. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần than M tổng số tiền 654.715.418 đồng, trong đó tiền mua than còn thiếu (tiền nợ gốc): 613.871.990 đồng, tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 16/3/2022 đến ngày 13/3/2023 là 40.843.422 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật thương mại 2005.

2. Về án phí: Buộc Công ty Công ty TNHH H phải chịu 30.188.616 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần than M số tiền 23.382.281 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003604 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyền kháng cáo và thi hành án:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Xuân Thương Nguyễn Mạnh Hùng	**Nguyễn Thanh Tuấn**